

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/HS-ST

Ngày: 28-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- T5 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Ty

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Thanh Hải;

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T2 - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn R (tên gọi khác: Lẻ), sinh năm 1960; tại Tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nông dân; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn A1, sinh năm 1935 (đã chết) và bà Đặng Thị N, sinh năm 1936 (đã chết); vợ Đỗ Thị H, sinh năm 1961 và 04 con (lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1991); tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/3/2020 đến ngày 22/3/2020. Từ ngày 22/3/2020 cho đến nay bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trần Văn T, sinh năm 1967; tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: C, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: C, thị trấn D,

huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn A1, sinh năm 1935 (đã chết) và bà Đặng Thị N, sinh năm 1936 (đã chết); vợ Huỳnh Kim S, sinh năm 1971 và 02 con (lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1998); tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/3/2020 đến ngày 22/3/2020. Từ ngày 22/3/2020 cho đến nay bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Dương Văn K, sinh năm 1983; tại Hà Nội; hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã E, huyện D, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp Đ, xã E, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn M, sinh năm 1945 và bà Phạm Thị C1, sinh năm 1956; vợ Trần Thị T4, sinh năm 1983 và 02 con (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2010); tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/3/2020 đến ngày 22/3/2020. Từ ngày 22/3/2020 cho đến nay bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Lê Thanh T1, sinh năm 1990; tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nông dân; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn K1, sinh năm 1960 bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1962; Vợ Lê Thị Thu T2, sinh năm 1996 và 02 con (lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2019); tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/3/2020 đến ngày 22/3/2020. Từ ngày 22/3/2020 cho đến nay bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Lê Văn H1, sinh năm 1991; tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H2, sinh năm 1962 (đã chết) và bà Lê Thị T3, sinh năm 1963; vợ Mai Thị Thanh T4, sinh năm 1992 và 01 con (sinh năm 2015); tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/3/2020 đến ngày 22/3/2020. Từ ngày 22/3/2020 cho đến nay bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Lê Văn P, sinh năm 1976; tại tỉnh Thanh Hóa; hộ khẩu thường trú: Số 229/3 khu phố Q, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: khu phố

Q, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T5, sinh năm 1950 và bà Trần Thị T6, sinh năm 1950; vợ, con: không; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/3/2020 đến ngày 22/3/2020. Từ ngày 22/3/2020 cho đến nay bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 13/3/2020, Trần Văn R tổ chức đám giỗ tại nhà, thuộc ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương và mời Trần Văn T, Dương Văn K, Lê Thanh T1, Lê Văn H1, Lê Văn P đến dự. Tất cả ăn, uống đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, R rủ T, K, T1, H1, P đánh bạc dưới hình thức chơi bài binh xập xám được thua bằng tiền. R lấy ra 03 bộ bài tây (loại bài 52 lá) và sử dụng phòng khách của nhà R làm nơi đánh bạc. Hình thức chơi bài binh xập xám là sử dụng 01 bộ bài tây, chia T5 04 tụ, R 01 tụ, T 01 tụ, K và P chung 01 tụ, T1 và H1 chung 01 tụ, mỗi tụ 13 lá, mỗi tụ lần lượt làm cái 01 ván xoay vòng, mỗi ván người chơi đặt cược số tiền 50.000 đồng. Khi chia bài xong, người chơi mỗi tụ xếp 13 lá bài T5 03 chi, trong đó 02 chi 05 lá và 01 chi 03 lá. Nếu lật bài so sánh với người làm cái, người nào thắng thì được cái trả cho số tiền bằng với số tiền đã đặt cược, thua thì trả cho cái số tiền đã đặt cược.

Đến khoảng 15 giờ 35 phút cùng ngày, khi tất cả đang đánh bạc thì bị Công an xã B bắt quả tang và thu giữ các vật chứng gồm:

- Thu giữ tại chiếu bạc:
 - + Tiền Việt Nam 5.178.000 đồng (năm triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng);
 - + 03 (ba) bộ bài tây đã qua sử dụng;
 - + 01 (một) cái mền màu hồng;
- Thu giữ trên người các đối tượng:
 - + Trần Văn R: Tiền Việt Nam 6.750.000 đồng (sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng);
 - + Trần Văn T: Tiền Việt Nam 332.000 đồng (ba trăm ba mươi hai nghìn đồng);
 - + Lê Văn H1: Tiền Việt Nam 1.310.000 đồng (một triệu ba trăm mười nghìn đồng);

+ Lê Thanh T1: Tiền Việt Nam 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra xác định hành vi tham gia đánh bạc của các đối tượng, cụ thể như sau:

- Đối với Trần Văn R: Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 13/3/2020, sau khi tổ chức đám giỗ tại nhà, R lấy tại nhà 03 bộ bài tây để đánh bạc dưới hình thức chơi bài binh xập xám. R có 9.750.000 đồng trong túi, R lấy ra 3.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc, không thắng không thua. Khi bị bắt quả tang, công an thu giữ trên người R 6.750.000 đồng, còn 3.000.000 đồng R để dưới chiếu bạc;

- Đối với Dương Văn K: Khi đến nhà R, K mang theo số tiền 1.470.000 đồng, K sử dụng hết số tiền trên vào mục đích đánh bạc, thắng được số tiền 200.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, K để toàn bộ số tiền trên dưới chiếu bạc;

- Đối với Lê Văn H1: Khi đến nhà R, H1 mang theo số tiền 1.500.000 đồng, H1 sử dụng 190.000 đồng để mua vé số. Còn lại số tiền 1.310.000 đồng H1 sử dụng vào việc đánh bạc, không thắng không thua. Khi bị bắt quả tang, công an thu giữ trên người H1 số tiền 1.310.000 đồng;

- Đối với Lê Thanh T1: Khi đến nhà R, T1 mang theo số tiền 908.000 đồng. T1 sử dụng hết số tiền trên vào mục đích đánh bạc, thắng được số tiền 500.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, công an thu giữ trên người T1 900.000 đồng, còn 508.000 đồng T1 để dưới chiếu bạc;

- Đối với Trần Văn T: Khi đến nhà R, T mang theo số tiền 502.000 đồng, T sử dụng 20.000 đồng mua vé số. Còn lại số tiền 482.000 đồng, T sử dụng hết vào mục đích đánh bạc, thua hết số tiền 150.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, công an thu giữ trên người T 332.000 đồng;

- Đối với Lê Văn P: Khi đến nhà R, P mang theo số tiền 50.000 đồng. P sử dụng hết số tiền trên vào việc đánh bạc, thua hết số tiền 50.000 đồng.

Đối với 03 (ba) bộ bài tây đã qua sử dụng và 01 (một) cái mền màu hồng, là công cụ được các bị cáo sử dụng và việc phạm tội, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 5.178.000 đồng thu được trên chiếu bạc, là số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 6.750.000 đồng thu giữ trên người của Trần Văn R. Quá trình điều tra xác định, R không sử dụng số tiền trên vào mục đích đánh bạc, đề nghị trả lại cho R.

Đối với số tiền 332.000 đồng thu giữ trên người của Trần Văn T. Quá trình điều tra xác định, T sử dụng số tiền trên vào mục đích đánh bạc, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 1.310.000 đồng thu giữ trên người của Lê Văn H1. Quá trình điều tra xác định, H1 sử dụng số tiền trên vào mục đích đánh bạc, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 900.000 đồng thu giữ trên người của Lê Thanh T1. Quá trình điều tra xác định, T1 sử dụng số tiền trên vào mục đích đánh bạc, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Tại bản Cáo trạng số 54/CT-VKSDT-HS ngày 29/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Trần Văn R, Trần Văn T, Dương Văn K, Lê Thanh T1, Lê Văn H1, Lê Văn P về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trần Văn R, Trần Văn T, Dương Văn K, Lê Thanh T1, Lê Văn H1, Lê Văn P về tội “đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Văn R, Trần Văn T; Dương Văn K; Lê Thanh T1; Lê Văn P như sau:

Xử phạt bị cáo Trần Văn R từ 10 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 20 tháng đến 24 tháng. Hình phạt bổ sung số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng. Hình phạt bổ sung số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Dương Văn K từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng. Hình phạt bổ sung số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh T1 từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng. Hình phạt bổ sung số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Lê Văn P từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng. Hình phạt bổ sung số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H1 từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng. Bị cáo là người tàn tật nặng nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Đề nghị xử lý vật chứng:

Đối với số tiền Việt Nam 5.178.000 đồng (năm triệu một trăm bảy mươi tám ngàn đồng) thu tại chiếu bạc. Xét thấy, đây là tang vật của vụ án nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền Việt Nam 322.000 đồng (ba trăm hai mươi hai ngàn đồng) thu giữ của bị cáo T. Xét thấy, đây là số tiền bị cáo T sử dụng vào mục đích đánh bạc nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền Việt Nam 1.310.000 đồng (một triệu ba trăm mười ngàn đồng) thu giữ của bị cáo H1. Xét thấy, đây là số tiền bị cáo H1 sử dụng vào mục đích đánh bạc nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền Việt Nam 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng) thu giữ của bị cáo T1. Xét thấy, đây là số tiền bị cáo T1 sử dụng vào mục đích đánh bạc nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước

Đối với 03 (ba) bộ bài tây đã qua sử dụng thu giữ tại nơi đánh bạc. Xét thấy, đây là công cụ phạm tội của vụ án nên đề nghị tiêu hủy.

Đối với 01 (một) cái mền màu hồng thu giữ tại nơi đánh bạc. Xét thấy; đây là công cụ phạm tội của vụ án nên đề nghị thu tiêu hủy.

Tại phiên tòa, các cáo Trần Văn R, Trần Văn T, Dương Văn K, Lê Thanh T1, Lê Văn H1, Lê Văn P T5 khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi đánh bạc của các bị cáo là sai, các bị cáo đã biết lỗi và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình T3 thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo R, T, K, T1, H1, P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 13/3/2020, tại nhà bị cáo R thuộc ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương. Các bị cáo R, T, K, T1, H1, P cùng nhau tham gia đánh bạc dưới hình thức dùng loại bài tây 52 (năm mươi hai) lá chia làm 04 (bốn) tụ, mỗi tụ 13 (mười ba) lá, phân làm 03 chi, 02 chi 05 lá, 01 chi 03 lá hình thức đánh bạc là binh xập xám thắng thua bằng tiền mặt, mỗi tụ làm cái một lần, tiền đặt cược mỗi ván 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng). Tổng số tiền các bị cáo R, T, K, T1, H1, P dùng để đánh bạc là 7.720.000 đồng (bảy triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

Lời khai nhận của các bị cáo R, T, K, T1, H1, P phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bản Cáo trạng số: 54/CT-VKSDT-HS ngày 29/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Trần Văn R, Trần Văn T, Dương Văn K, Lê Thanh T1, Lê Văn H1, Lê Văn P về tội “đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy: Tình trạng đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới nhiều hình thức là một tệ nạn của xã hội ngày càng tăng và diễn biến phức tạp. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, đây cũng là nguyên nhân kéo theo nhiều tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được Nhà nước nghiêm cấm việc đánh bạc dưới mọi hình thức thắng, thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Đây là vụ án có tính đồng phạm giản đơn, bởi lẽ các bị cáo đều tham gia với vai trò người thực hành, với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét, phân tích vai trò, nhân thân của từng bị cáo để cụ thể hóa trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo:

1. Đối với bị cáo Trần Văn R: Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 13/3/2020, bị cáo lấy 03 (ba) bộ bài tây tại nhà và 01 (một) cái mền tại nhà và dùng phòng khách của bị cáo để làm nơi đánh bạc với các con bạc gồm T, K, T1, H1, P dưới hình thức binh xập xám thắng thua bằng tiền. Bị cáo dùng số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu

đồng) để đánh bạc còn số tiền 6.750.000 đồng (sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) bị cáo để dưới chiếu bạc. Bị cáo không thắng, không thua.

2. Đối với bị cáo Trần Văn T: Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 13/3/2020, tại nhà bị cáo R. Bị cáo cùng các bị cáo R, K, T1, H1, P tham gia đánh bạc dưới hình thức binh xập xám thắng thua bằng tiền. Bị cáo mang theo số tiền 502.000 đồng (năm trăm lẻ hai ngàn đồng), bị cáo sử dụng 20.000 đồng (hai mươi ngàn đồng) để mua vé số còn lại số tiền 482.000 đồng (bốn trăm tám mươi hai ngàn đồng) dùng để đánh bạc. Bị cáo thua số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Đối với bị cáo Dương Văn K: Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 13/3/2020, bị cáo mang theo số tiền 1.470.000 đồng (một triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng) để đánh bạc. Tại nhà bị cáo R, bị cáo cùng các bị cáo T, R, T1, H1, P tham gia đánh bạc dưới hình thức binh xập xám thắng thua bằng tiền. Bị cáo bị cáo sử dụng hết số tiền 1.470.000 đồng (một triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng) để đánh bạc. Bị cáo thắng được số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

4. Đối với bị cáo Lê Thanh T1: Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 13/3/2020, bị cáo mang theo số tiền 908.000 đồng (chín trăm lẻ tám ngàn đồng) để đánh bạc. Tại nhà bị cáo R, bị cáo cùng các bị cáo T, R, K, H1, P tham gia đánh bạc dưới hình thức binh xập xám thắng thua bằng tiền. Bị cáo sử dụng hết số tiền 908.000 đồng (chín trăm lẻ tám ngàn đồng) để đánh bạc. Bị cáo thắng được số tiền 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng).

5. Đối với bị cáo Lê Văn H1: Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 13/3/2020, tại nhà bị cáo R. Bị cáo cùng các bị cáo R, T, K, T1, P tham gia đánh bạc dưới hình thức binh xập xám thắng thua bằng tiền. Bị cáo mang theo số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng), bị cáo sử dụng 190.000 đồng (một trăm chín mươi ngàn đồng) để mua vé số còn lại số tiền 1.310.000 đồng (một triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng) dùng để đánh bạc. Bị cáo không thắng, không thua.

6. Đối với bị cáo Lê Văn P: Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 13/3/2020, bị cáo mang theo số tiền 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng) để đánh bạc. Tại nhà bị cáo R, bị cáo cùng các bị cáo T, R, K, T1, H1 tham gia đánh bạc dưới hình thức binh xập xám thắng thua bằng tiền. Bị cáo sử dụng hết số tiền 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng) để đánh bạc. Bị cáo thua hết số tiền 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng).

Hành vi của các bị cáo Trần Văn R, Trần Văn T, Dương Văn K, Lê Thanh T1, Lê Văn H1, Lê Văn P đã phạm tội với vai trò đồng phạm gián đơn về tội “Đánh

bạc” trong vụ án này. Hành vi của các bị cáo R, T, K, T1, H1, P đã cấu T5 tội “đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm xâm phạm trật tự xã hội mà đặc biệt là tội phạm đánh bạc trên địa bàn huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nói riêng và trên phạm vi cả nước nói chung nên cần xử lý các bị cáo R, T, K, T1, H1, P mức hình phạt thật nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm có điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo T5 người công dân tốt, cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo R, T, K, T1, H1, P không có.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Trần Văn R, Trần Văn T, Dương Văn K, Lê Thanh T1, Lê Văn H1, Lê Văn P đều có thái độ T5 khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo dùng số tiền đánh bạc không lớn đó là những tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo H1 có ông nội ruột được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Liệt sĩ - Tổ Quốc ghi công”, bản thân bị cáo cũng đang bị bệnh di chứng liệt hoàn toàn tay phải (thể hiện tại biên bản giám định thương tật Hội đồng giám định y khoa tỉnh Bình Dương số 64/2017/GĐYK-TNLD ngày 16/02/2017) nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tù có điều kiện đối với các bị cáo R, T, K, T1, P mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo nhằm tạo điều kiện để các bị cáo lấy đó làm bài học cho cá nhân từng bị cáo.

Đối với bị cáo Lê Văn H1 là người bị tàn tật nặng, không có khả năng lao động, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử cho bị cáo H1 mức án phạt tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng cần áp dụng mức phạt tiền tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo. Đối với bị cáo R là người khởi xướng, lôi kéo và chuẩn bị bài, mền, địa điểm để cùng các bị cáo T, K, T1, H1, P tham gia đánh bạc. Hiện nay bị cáo R đã 60 tuổi nên sức khỏe bị suy giảm, bệnh thường xuyên. Các bị cáo T, K, T1, P dùng số tiền đánh bạc không lớn.

Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tiền đối với các bị cáo R, T, K, T1, P bằng nhau là phù hợp với vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo.

[7] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tội danh truy tố các bị cáo R, T, K, T1, H1, P là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, mức hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo R, T, K, T1, H1, P là hình phạt chính, hình phạt bổ sung là phạt tiền mà Kiểm sát viên đề nghị là quá nghiêm khắc so với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo. Bởi vì, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền đánh bạc không lớn nên Hội đồng xét xử phạt tiền là hình phạt chính là phù hợp. Đối với mức đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo H1 từ 06 tháng đến 08 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H1 là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về vật chứng:

Đối với số tiền Việt Nam 5.178.000 đồng (năm triệu một trăm bảy mươi tám ngàn đồng) thu tại chiếu bạc. Xét thấy, đây là tang vật của vụ án nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền Việt Nam 322.000 đồng (ba trăm hai mươi hai ngàn đồng) thu giữ của bị cáo T. Xét thấy, đây là số tiền bị cáo T sử dụng vào mục đích đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền Việt Nam 1.310.000 đồng (một triệu ba trăm mười ngàn đồng) thu giữ của bị cáo H1. Xét thấy, đây là số tiền bị cáo H1 sử dụng vào mục đích đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền Việt Nam 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng) thu giữ của bị cáo T1. Xét thấy, đây là số tiền bị cáo T1 sử dụng vào mục đích đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 6.750.000 đồng thu giữ trên người của Trần Văn R. Quá trình điều tra xác định, R không sử dụng số tiền trên vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho R.

Đối với 03 (ba) bộ bài tây đã qua sử dụng thu giữ tại nơi đánh bạc. Xét thấy, đây là công cụ phạm tội của vụ án nên tiêu hủy.

Đối với 01 (một) cái mền màu hồng thu giữ tại nơi đánh bạc. Xét thấy, đây là công cụ phạm tội của vụ án nên tiêu hủy.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn R là người cao tuổi quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thuộc trường hợp được miễn án phí.

Các bị cáo Trần Văn T, Dương Văn K, Lê Thanh T1, Lê Văn H1, Lê Văn P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn R (tên gọi khác: L), Trần Văn T, Dương Văn K, Lê Thanh T1, Lê Văn H1, Lê Văn P phạm tội “đánh bạc”.

* Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn R (tên gọi khác: L) số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Dương Văn K số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Lê Thanh T1 số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn P số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, nếu các bị cáo Trần Văn R (tên gọi khác: L), Trần Văn T, Dương Văn K, Lê Thanh T1, Lê Văn P không thi hành hình phạt đối với số tiền trên, thì hàng tháng các bị cáo còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm i, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 28/8/2020).

Giao bị cáo Lê Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Lê Văn H1 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Lê Văn H1 phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự, tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy:

- 03 (ba) bộ bài tây đã qua sử dụng.
- 01 (một) cái mền màu hồng.

(Các vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương đang quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/6/2020).

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước: Đối với số tiền 7.720.000 đồng (bảy triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng) các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc được trích từ số tiền 14.470.000 đồng (mười bốn triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2014/0002484 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương. Số tiền còn lại 6.750.000 đồng (sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2014/0002484 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương, tuyên trả cho bị cáo Trần Văn R (tên gọi khác: L).

4. Về án phí:

+ Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Trần Văn T, Dương Văn K, Lê Thanh T1, Lê Văn H1, Lê Văn P mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo Trần Văn R không phải nộp vì thuộc trường nộp được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 28/8/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an H. Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS H. D;
- PV 27-Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- UBND xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Lê Long Ty**